

WASHINGTON STATE CHILD SUPPORT SCHEDULE (PHỤ LỤC CẤP DƯỠNG NUÔI CON CỦA TIỂU BANG WASHINGTON)

Bao gồm:

- Định nghĩa và Tiêu chuẩn
- Hướng dẫn:
- Bảng biểu Kinh tế
- Bảng tính tiền:

Ngày có hiệu lực:

Định nghĩa & Tiêu chuẩn
Hướng dẫn - duy nhất
Bảng biểu Kinh tế
Bảng tính tiền

Ngày 11 tháng 6, 2020
Ngày 11 tháng 6, 2020
Ngày 1 tháng 1, 2019
Ngày 1 tháng 1, 2019



WASHINGTON
COURTS
ADMINISTRATIVE OFFICE OF THE COURTS

Internet--tải xuống mẫu phiếu:

<http://www.courts.wa.gov/>

**Đường Dây Nóng Cấp Dưỡng Nuôi Con, DSHS Tiểu Bang,
1 (800) 442-KIDS**

WASHINGTON STATE CHILD SUPPORT SCHEDULE (PHỤ LỤC CẤP DƯỠNG NUÔI CON CỦA TIỂU BANG WASHINGTON) ĐỊNH NGHĨA VÀ TIÊU CHUẨN

Định Nghĩa

Trừ khi ngữ cảnh rõ ràng yêu cầu khác, các định nghĩa này áp dụng cho các tiêu chuẩn theo sau phần này. RCW 26.19.011.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cơ bản: nghĩa là nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng được xác định từ bảng biểu kinh tế dựa trên thu nhập ròng hàng tháng tổng hợp của các bên và số con mà họ phải trả cấp dưỡng.

Phụ lục cấp dưỡng nuôi con: nghĩa là các tiêu chuẩn, bảng biểu kinh tế, các bảng tính tiền và hướng dẫn, như được định nghĩa trong chương 26.19 RCW.

Tòa án: có nghĩa là thẩm phán tòa án cấp trên, ủy viên tòa án và các viên chức chủ tọa và kiểm tra, những người xác định hoặc thi hành các lệnh cấp dưỡng nuôi con về mặt hành chính.

Sai lệch: nghĩa là số tiền cấp dưỡng nuôi con khác với cách tính chuẩn.

Bảng biểu kinh tế: có nghĩa là bảng cấp dưỡng nuôi con cho nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản được nêu tại RCW 26.19.020.

Toàn thời gian: có nghĩa là số giờ làm việc tối đa, số giờ làm việc không phải là làm thêm trong quá trình sự nghiệp của một cá nhân, ngành công nghiệp và thị trường lao động. “Toàn thời gian” không nhất thiết có nghĩa là số giờ mỗi tuần.

Hướng dẫn: có nghĩa là các hướng dẫn do Administrative Office of the Courts (Văn Phòng Hành Chính Quản Lý Các Tòa Án) chiếu theo RCW 26.19.050 được sử dụng để hoàn thành các bảng tính tiền.

Tiêu chuẩn: có nghĩa là các tiêu chuẩn để xác định mức cấp dưỡng nuôi con như được nêu tại chương 26.19 RCW.

Mức tính chuẩn: có nghĩa là số tiền cấp dưỡng nuôi con đã định còn nợ được xác định từ phụ lục cấp dưỡng nuôi con trước khi tòa án xem xét bất kỳ lý do gây sai lệch nào.

Thanh toán chuyên giao cấp dưỡng: có nghĩa là số tiền mà tòa án yêu cầu người cha hoặc người mẹ trả cho người kia hoặc người giám hộ khác để cấp dưỡng cho con sau khi xác định mức tính toán chuẩn và mức sai lệch. Nếu một số khoản chi phí hoặc tín dụng dự kiến sẽ biến động và án lệnh đặt ra công thức hoặc tỷ lệ phần trăm để xác định số tiền hoặc tín dụng bổ sung trên cơ sở liên tục, thì thuật ngữ “thanh toán chuyên giao hỗ trợ” không có nghĩa là số tiền hoặc tín dụng bổ sung.

Bảng tính tiền: có nghĩa là các mẫu phiếu do Administrative Office of the Courts (Văn Phòng Hành Chính Quản Lý Các Tòa Án) chiếu theo RCW 26.19.050 được sử dụng để xác định số tiền cấp dưỡng nuôi con.

Các Tiêu Chuẩn Áp Dụng

- Áp dụng phụ lục cấp dưỡng:** Phụ lục cấp dưỡng nuôi con sẽ được áp dụng:
 - ở mỗi quận hạt của tiểu bang;
 - trong các thủ tục tố tụng tư pháp và hành chính theo các điều 13, 26 và 74 RCW;
 - trong tất cả các thủ tục tố tụng trong đó có xác định hoặc sửa đổi việc cấp dưỡng nuôi con;
 - trong việc thiết lập cấp dưỡng tạm thời và vĩnh viễn;
 - trong các điều khoản hoặc sắc lệnh sửa đổi tự động được nhập theo RCW 26.09.100; và
 - bổ sung các thủ tục tố tụng trong đó cấp dưỡng nuôi con

được xác định cho trẻ vị thành niên, cho trẻ đã trưởng thành sống phụ thuộc vào cha mẹ và những người có lệnh được cấp dưỡng theo RCW 26.09.100.

Các điều khoản của RCW 26.19 về việc xác định tiền cấp dưỡng nuôi con và lý do sai lệch so với cách tính chuẩn sẽ được tòa án, các viên chức chủ tọa và viên chức kiểm tra áp dụng theo cách tương tự. RCW 26.19.035(1).

- Các kết quả thực tế bằng văn bản có bằng chứng hỗ trợ:** Một án lệnh yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được hỗ trợ bởi các kết quả thực tế bằng văn bản dựa trên việc xác định cấp dưỡng và phải bao gồm lý do cho bất kỳ sai lệch nào so với cách tính chuẩn và lý do từ chối yêu cầu sai lệch của một bên từ cách tính chuẩn. RCW 26.19.035(2).
- Hoàn thành các bảng tính tiền:** Các bảng tính tiền theo mẫu do Administrative Office of the Courts (Văn Phòng Hành Chính Quản Lý Các Tòa Án) soạn thảo sẽ được hoàn thành dưới khung hình phạt về tội khai man và được nộp trong mọi thủ tục tố tụng có xác định việc cấp dưỡng nuôi con. Tòa án sẽ không chấp nhận các bảng tính tiền chưa hoàn chỉnh hoặc các bảng tính tiền khác với các bảng tính tiền do Administrative Office of the Courts (Văn Phòng Hành Chính Quản Lý Các Tòa Án) soạn thảo. RCW 26.19.035(3).
- Tòa án duyệt xét các bảng tính tiền và án lệnh:** Tòa án sẽ duyệt xét các bảng tính tiền và án lệnh thiết lập cấp dưỡng nuôi con để xem xét đầy đủ các lý do được đưa ra cho bất kỳ sai lệch nào hoặc từ chối bất kỳ yêu cầu sai lệch nào và về tính đầy đủ của số tiền cấp dưỡng đã được yêu cầu. Mỗi án lệnh phải nêu rõ số tiền cấp dưỡng nuôi con được tính theo cách tính chuẩn và số tiền cấp dưỡng nuôi con thực ghi theo án lệnh. Các bảng tính tiền phải được đính kèm với sắc lệnh hoặc án lệnh hoặc nếu được nộp riêng, phải được ký tắt hoặc ký bởi thẩm phán và nộp kèm theo án lệnh. RCW 26.19.035(4).

Các Tiêu Chuẩn Về Thu Nhập

- Xem xét tất cả thu nhập:** Tất cả thu nhập và nguồn thu của mỗi hộ gia đình của cha mẹ phải được công bố và được tòa án xem xét khi tòa án xác định nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của mỗi phụ huynh. Chỉ có thu nhập của cha mẹ những đứa con đang xét cấp dưỡng mới được tính cho mục đích tính nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản. Thu nhập và nguồn thu của bất kỳ người nào khác sẽ không được tính vào nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản. RCW 26.19.071(1).
- Xác minh thu nhập:** Tờ khai thuế trong hai năm trước đó và bảng lương hiện tại phải được cung cấp để xác minh thu nhập và các khoản giảm trừ. Cần phải có sự xác minh đầy đủ khác đối với thu nhập và các khoản giảm trừ không xuất hiện trên tờ khai thuế hoặc bảng lương. RCW 26.19.071(2).
- Các nguồn thu nhập nằm trong thu nhập gộp hàng tháng:** Thu nhập gộp hàng tháng sẽ bao gồm thu nhập từ bất kỳ nguồn nào, bao gồm: tiền lương; tiền công; tiền hoa hồng; tiền bồi thường chậm; tiền làm thêm giờ, trừ trường hợp bị loại trừ khỏi thu nhập theo RCW 26.19.071 (4) (h); lợi tức liên quan đến hợp đồng; thu nhập từ công việc thứ hai trừ khi được loại trừ khỏi thu nhập theo RCW 26.19.071 (4) (h); cổ tức; lợi tức; thu nhập ủy thác; trả góp; niên kim; lãi thu từ vốn; lợi tức hưu trí; bồi thường cho người lao động; trợ cấp thất nghiệp; sinh hoạt thực nhận; tiền thưởng; phúc lợi an sinh xã hội; quyền lợi bảo hiểm thương tật; và thu nhập từ việc tự kinh doanh, tiền cho thuê nhà, tiền bán quyền, hợp đồng, quyền sở hữu doanh nghiệp hoặc quyền sở hữu chung của một công ty hợp danh hoặc công ty nắm giữ chặt chẽ. RCW 26.19.071(3).

Trợ cấp tàn tật của cựu chiến binh: Trợ cấp tàn tật của cựu chiến binh hoặc khoản bồi thường thường xuyên cho tình trạng khuyết tật phát sinh hoặc tăng nặng khi phục vụ trong lực lượng vũ trang Hoa Kỳ do Veterans' Administration (Cơ quan Quản lý Cựu chiến binh) chi trả phải được tiết lộ cho tòa án. Tòa án có thể xem một trong hai loại bồi thường là thu nhập khả dụng cho các mục đích tính nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. See RCW 26.19.045.

4. Các nguồn thu nhập bị loại trừ khỏi thu nhập góp hàng tháng: Thu nhập và các nguồn thu sau đây phải được tiết lộ nhưng không tính vào thu nhập góp: thu nhập của người phối ngẫu mới hoặc người sống chung nhà mới hoặc thu nhập của những người lớn khác trong gia đình; tiền cấp dưỡng nuôi con nhận được từ các mối liên hệ khác; quà tặng và giải thưởng; temporary assistance for needy families (trợ cấp tạm thời cho các gia đình khó khăn); Thu nhập An sinh Bổ sung; trợ cấp chung; tem phiếu thực phẩm; và thu nhập làm thêm giờ hoặc thu nhập từ công việc thứ hai ngoài bốn mươi giờ mỗi tuần được tính trung bình trong khoảng thời gian mười hai tháng, làm việc để đáp ứng nhu cầu của gia đình hiện tại, để giải quyết các khoản nợ liên hệ trong quá khứ hoặc để trả nợ tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu tòa án thấy thu nhập sẽ chấm dứt khi bên đó đã thanh toán xong các khoản nợ của mình. Việc nhận thu nhập và các nguồn thu từ temporary assistance for needy families (trợ cấp tạm thời cho các gia đình khó khăn, Thu nhập An sinh Bổ sung, trợ cấp chung và tem phiếu thực phẩm sẽ không phải là lý do để gây sai lệch so với cách tính chuẩn.. RCW 26.19.071(4).

Trợ cấp VA và chăm sóc người phục vụ: Các khoản trợ cấp và chăm sóc người phục vụ để tránh phải nhập viện do Cơ quan Quản lý Cựu chiến binh chi trả chỉ để cung cấp dịch vụ chăm sóc thể chất tại nhà cho một cựu chiến binh thương tật và khoản bồi thường đặc biệt được trả theo 38 U.S.C. Sec. 314 (k) đến (r) để cung cấp dịch vụ chăm sóc đặc biệt hoặc hỗ trợ đặc biệt, hoặc cả hai nhằm hỗ trợ các hoạt động hàng ngày thông thường phải được tiết lộ. Tòa có thể không tính hoặc khoản trợ cấp hoặc chăm sóc người phục vụ hoặc các khoản bồi thường y tế đặc biệt trong thu nhập góp cho các mục đích tính nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hoặc cho các mục đích sai lệch so với cách tính chuẩn. Xem RCW 26.19.045.

Các khoản trợ cấp và chăm sóc người phục vụ khác: Các khoản thanh toán từ bất kỳ nguồn nào, ngoài trợ cấp cho cựu chiến binh và người phục vụ hoặc bồi thường y tế đặc biệt được thanh toán theo 38 U.S.C. Sec. 314 (k) đến (r) cho các dịch vụ do người phục vụ cung cấp trong trường hợp thương tật khi thương tật ấy cần thuê dịch vụ hoặc người chăm sóc phải được tiết lộ nhưng sẽ không tính vào thu nhập góp và không phải là lý do để làm sai lệch mức tính toán chuẩn. RCW 26.19.055.

5. Xác định thu nhập ròng: Các chi phí sau đây phải được tiết lộ và loại trừ khỏi thu nhập góp hàng tháng để tính thu nhập ròng hàng tháng; các khoản thuế thu nhập liên bang và tiểu bang (xem đoạn sau); federal insurance contributions act deductions (các khoản khấu trừ theo đạo luật bảo hiểm liên bang) (FICA); các khoản thanh toán kế hoạch hưu trí bắt buộc; phí nghiệp đoàn hoặc phí nghề nghiệp bắt buộc; phí bảo hiểm công nghiệp của tiểu bang; sinh hoạt theo lệnh của tòa án trong phạm vi thực trả; lên đến năm nghìn đô la mỗi năm trong các khoản đóng góp hưu trí tự nguyện thực sự được thực hiện nếu các khoản đóng góp cho thấy một hình thức đóng góp trong thời gian một năm trước khi hành động thiết lập lệnh cấp dưỡng nuôi con trừ khi xác định được các khoản đóng góp đã được thực hiện nhằm mục đích giám cấp dưỡng nuôi con; và các chi phí kinh doanh thông thường và thuế tự doanh cho những người tự kinh doanh. Cần phải chứng minh bất kỳ khoản giảm trừ chi phí kinh doanh nào có bất đồng. Các khoản mục bị trừ ra khỏi thu nhập góp sẽ không phải là lý do để sai lệch so với cách tính chuẩn. RCW 26.19.071(5).

Phân bổ các khoản miễn thuế: Các bên có thể thỏa thuận phụ huynh nào được quyền khai báo đứa con hoặc những đứa con là người phụ thuộc để được miễn thuế thu nhập liên bang. Tòa có thể cấp khoản miễn thuế hoặc các khoản miễn thuế và lệnh cho một bên ký vào giấy khước miễn phụ thuộc thuế thu nhập liên bang. Tòa có thể phân chia những khoản miễn thuế giữa các bên, xen kẽ các khoản miễn thuế giữa các bên hoặc cả hai. RCW 26.19.100.

6. Quy ra thu nhập: Tòa án sẽ quy ra thu nhập cho một bên phụ huynh khi bên phụ huynh ấy tự nguyện không đi làm hoặc tự nguyện làm việc ít đi. Tòa sẽ xác định xem một bên phụ huynh tự nguyện không đi làm hoặc tự nguyện làm việc ít đi dựa trên tài sản, nơi cư trú, lịch sử việc làm và thu nhập, kỹ năng công việc, trình độ học vấn, khả năng đọc viết, sức khỏe và tuổi tác, hồ sơ tội phạm, các nghĩa vụ tòa án về người phụ thuộc và các rào cản việc làm khác, hồ sơ tìm kiếm việc làm, thị trường việc làm địa phương, sự sẵn có của các nhà tuyển dụng sẵn sàng thuê bên phụ huynh đó, mức thu nhập phổ biến trong cộng đồng địa phương hoặc bất kỳ yếu tố liên quan nào khác. Tòa sẽ không quy ra thu nhập cho một bên phụ huynh là người làm việc có thu nhập trên cơ sở toàn thời gian, trừ khi tòa án phát hiện bên phụ huynh đó tự nguyện làm việc ít đi và phát hiện bên phụ huynh đó cố tình làm việc ít đi để giảm bớt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bên phụ huynh đó. Một phụ huynh thất nghiệp sẽ không bị ước tính thu nhập. Một phụ huynh sẽ không bị ước tính thu nhập trong trường hợp bên phụ huynh đó bị thất nghiệp hoặc thiếu việc làm đáng kể do bên phụ huynh đó cố gắng tuân thủ các nỗ lực nhất quán theo lệnh của tòa án tại chương 13.34 RCW hoặc theo một thỏa thuận bố trí tự nguyện với cơ quan giám sát đứa con. Trừ khi như được cung cấp dưới đây về học sinh trung học, trong trường hợp không có hồ sơ về thu nhập thực tế của phụ huynh, tòa án sẽ quy ra thu nhập của phụ huynh theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thu nhập toàn thời gian theo mức lương hiện tại;
- Thu nhập toàn thời gian theo mức trả lương trước đây dựa trên thông tin đáng tin cậy, chẳng hạn như dữ liệu của bộ phận an sinh việc làm;
- Thu nhập toàn thời gian với mức trả trước đây mà thông tin không đầy đủ hoặc rời rạc;
- Thu nhập 32 giờ mỗi tuần ở mức lương tối thiểu tại khu vực pháp lý nơi phụ huynh cư trú nếu phụ huynh đang nhận temporary assistance for needy families (trợ cấp tạm thời cho các gia đình khó khăn (TANF) hiện tại hoặc mới kết thúc TANF hoặc gần đây mới kết thúc trợ cấp hỗ trợ người già, người khiếm thị hoặc tàn tật, trợ cấp trợ giúp phụ nữ mang thai, nhu cầu thiết yếu và hỗ trợ nhà ở, thu nhập đảm bảo bổ sung, hoặc khuyết tật, gần đây mới được ra tù hoặc mới tốt nghiệp trung học. Việc quy ra thu nhập ở mức ba mươi hai giờ mỗi tuần theo điều khoản này là một giá định có thể bác bỏ;
- Thu nhập toàn thời gian ở mức lương tối thiểu tại khu vực pháp lý nơi phụ huynh cư trú nếu phụ huynh có tiền sử thu nhập tiền công tối thiểu gần đây, chưa bao giờ đi làm và không có lịch sử thu nhập, hoặc không có lịch sử thu nhập đáng kể;
- Thu nhập ròng trung bình hàng tháng của người lao động toàn thời gian quanh năm thu được từ cơ quan điều tra dân số Hoa Kỳ, báo cáo dân số hiện tại hoặc báo cáo thay thế do cục điều tra dân số công bố. (Xem bảng "Thu Nhập Ròng Trung Bình Hàng Tháng Gần Đúng" trên trang 7.) RCW 26.19.071 (6).

Khi một phụ huynh hiện đang theo học trung học phổ thông toàn thời gian, tòa sẽ xem xét tổng thể hoàn cảnh của cả cha và mẹ khi xác định xem mỗi phụ huynh là tự nguyện không đi làm hoặc tự nguyện làm việc ít đi. Nếu một phụ huynh hiện đang theo học trung học được xác định là tự nguyện không đi làm hoặc tự nguyện làm việc ít đi thì tòa sẽ quy ra thu nhập ở mức hai mươi giờ mỗi tuần theo mức tiền công tối thiểu tại khu vực pháp lý nơi phụ huynh đó cư trú. Việc quy ra thu nhập ở mức hai mươi giờ mỗi tuần theo điều khoản này là một giá định có thể bác bỏ;

Tiêu Chuẩn Phân Bỏ

1. **Cấp dưỡng nuôi con cơ bản:** Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cơ bản suy ra từ bảng biểu kinh tế sẽ được phân bổ giữa các phụ huynh dựa trên phân chia sẽ của mỗi phụ huynh trong tổng hợp thu nhập ròng hàng tháng. RCW 26.19.080(1).
2. **Chi phí chăm sóc sức khỏe:** Chi phí chăm sóc sức khỏe không được tính vào bảng biểu kinh tế. Chi phí chăm sóc sức khỏe hàng tháng sẽ được cha mẹ chia sẽ theo tỷ lệ tương đương với nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản. Chi phí chăm sóc sức khỏe sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, chi phí y tế, nha khoa, chỉnh nha, thị lực, nắn khớp xương, điều trị sức khỏe tâm thần, thuốc theo toa và các chi phí chăm sóc và điều trị tương tự khác. RCW 26.19.080(2).
3. **Chi phí chăm sóc trẻ ban ngày và nuôi dưỡng trẻ đặc biệt:** Các chi phí chăm sóc trẻ ban ngày và nuôi dưỡng trẻ đặc biệt, chẳng hạn như học phí và chi phí vận chuyển đường dài đến và đi từ cha mẹ vì mục đích thăm nom, không được tính vào bảng biểu kinh tế. Những chi phí này sẽ được cha mẹ chia sẽ theo tỷ lệ tương đương với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cơ bản. RCW 26.19.080(3).
4. Tòa có thể toàn quyền quyết định sự cần thiết và tính hợp lý của tất cả các khoản tiền được yêu cầu vượt quá nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cơ bản. RCW 26.19.080(4).

Giới Hạn Tiêu Chuẩn

1. **Giới hạn ở mức 45 phần trăm thu nhập ròng của một phụ huynh:** Không bên phụ huynh nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với tất cả con sinh học hoặc con hợp pháp của họ có thể vượt quá 45 phần trăm thu nhập ròng trừ khi có lý do chính đáng.
 - a. Mỗi đứa con đều được hưởng một phần thu nhập có sẵn theo tỷ lệ để cấp dưỡng, nhưng tòa chỉ áp dụng phân tỷ lệ đó cho những đứa con trong vụ việc được đưa ra trước tòa.
 - b. Trước khi xác định có nên áp dụng giới hạn 45 phần trăm hay không, tòa phải xem xét lợi ích tốt nhất của (các) đứa trẻ và hoàn cảnh của từng bên phụ huynh. Những trường hợp như vậy bao gồm, nhưng không giới hạn, việc để lại không đủ tiền trong hộ gia đình của bên phụ huynh giám hộ để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của (các) đứa trẻ, khó khăn so với các hộ gia đình bị ảnh hưởng, tài sản hoặc nợ phải trả và bất kỳ giới hạn không tự nguyện nào đối với khả năng kiếm tiền của cha hoặc mẹ bao gồm cả việc bị giam giữ, khuyết tật hoặc mất khả năng lao động.
 - c. Nguyên nhân chính đáng bao gồm, nhưng không giới hạn, sở hữu của cải đáng kể, (các) con có chi phí chăm sóc ban ngày, nhu cầu y tế đặc biệt, nhu cầu giáo dục, nhu cầu tâm lý, và các gia đình lớn hơn. RCW 26.19.065(1).
2. **Nghĩa vụ cấp dưỡng tối thiểu gia đình:** Khi thu nhập ròng hàng tháng của một bên phụ huynh dưới 125% của hướng dẫn chuẩn nghèo liên bang đối với một gia đình một người thì án lệnh cấp dưỡng sẽ ghi không dưới năm mươi đô la cho mỗi đứa con mỗi tháng trừ khi bên phụ huynh có nghĩa vụ chứng minh điều đó làm như thể là bất công trong trường hợp cụ thể đó. Quyết định liệu có đủ cơ sở để giảm mức thanh toán tối thiểu gia đình hay không phải cân nhắc đến lợi ích tốt nhất của (các) đứa trẻ và hoàn cảnh của mỗi phụ huynh. Những trường hợp như vậy có thể bao gồm việc để lại không đủ tiền trong hộ gia đình của bên phụ huynh giám hộ để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của (các) đứa trẻ, khó khăn so với các hộ gia đình bị ảnh hưởng, tài sản hoặc nợ phải trả và khả năng kiếm tiền. RCW 26.19.065(2)(a).
3. **Khoản dự trữ để tự nuôi bản thân:** Nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản của cha mẹ thực hiện thanh toán chuyên giao, không bao gồm chi phí chăm sóc sức khỏe, chăm sóc ban ngày và nuôi dạy trẻ đặc biệt, sẽ không làm giảm thu nhập ròng của họ dưới mức dự trữ tự nuôi bản thân bằng 125% mức chuẩn nghèo liên bang đối với một gia đình một người, ngoại trừ trường hợp gia đình

khoản thanh toán tối thiểu là năm mươi đô la cho mỗi đứa con mỗi tháng hoặc khi việc áp dụng giới hạn dự trữ tự nuôi bản thân là không hợp lý sau khi cân nhắc lợi ích tốt nhất của (các) đứa trẻ và hoàn cảnh của mỗi phụ huynh. Những trường hợp như vậy bao gồm, nhưng không giới hạn, việc để lại không đủ tiền trong hộ gia đình của bên phụ huynh giám hộ để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của (các) đứa trẻ, khó khăn so với các hộ gia đình bị ảnh hưởng, tài sản hoặc nợ phải trả và khả năng kiếm tiền. Phần này sẽ không được hiểu là yêu cầu chứng minh thu nhập hàng tháng. (Xem bản ghi nhớ về Self-Support Reserve memorandum on the courts (Khoản Dự trữ Tự nuôi Bản thân) trên trang web của tòa www.courts.wa.gov/forms và tại www.WashingtonLawHelp.org.) RCW 26.19.065(2)(b).

4. **Thu nhập trên mười hai ngàn đô la:** Bảng biểu kinh tế được giả định cho thu nhập ròng tổng hợp hàng tháng lên đến và bao gồm mười hai ngàn đô la. Khi thu nhập ròng tổng hợp hàng tháng vượt quá mười hai ngàn đô la thì tòa án có thể nâng cao hơn số tiền cấp dưỡng giả định tối đa dựa trên kết quả thực tế bằng văn bản. RCW 26.19.065(3).

Tiêu Chuẩn Về Sai Lệch

1. Các lý do gây sai lệch so với tính toán chuẩn bao gồm nhưng không giới hạn ở những điều sau:
 - a. **Các nguồn thu nhập và lập kế hoạch thuế:** Tòa có thể làm lệch tính toán chuẩn sau khi xem xét những điều sau đây:
 - i. Thu nhập của người phối ngẫu mới hoặc người sống chung nhà mới nếu một bên phụ huynh kết hôn với người phối ngẫu mới hoặc một bên phụ huynh đang sống chung với người sống chung nhà mới yêu cầu khoản sai lệch dựa trên bất kỳ lý do nào khác. Thu nhập của người phối ngẫu mới hoặc người bạn đời mới tự nó không phải là lý do chính đáng cho khoản sai lệch;
 - ii. Thu nhập của những người lớn khác trong gia đình nếu cha mẹ đang sống với người trưởng thành kia yêu cầu khoản sai lệch dựa trên bất kỳ lý do nào khác. Thu nhập của những người trưởng thành khác trong gia đình tự nó không phải là lý do đủ cho khoản sai lệch;
 - iii. Tiền cấp dưỡng nuôi con thực nhận từ các mối liên hệ khác;
 - iv. Quà tặng;
 - v. Các giải thưởng;
 - vi. Sở hữu của cải, bao gồm nhưng không giới hạn, tiền tiết kiệm, đầu tư, sở hữu bất động sản và các khoản lợi tức kinh doanh, xe cộ, tàu thuyền, lương hưu, tài khoản ngân hàng, chương trình bảo hiểm hoặc các tài sản khác;
 - vii. Thu nhập bất thường của một đứa con; hoặc
 - viii. Cân nhắc lập kế hoạch thuế. Khoản sai lệch trong việc lập kế hoạch thuế chỉ có thể được chấp nhận nếu (các) trẻ em sẽ không nhận được lợi ích kinh tế thấp hơn do việc lập kế hoạch thuế;
 - ix. Thu nhập đã bị loại trừ theo RCW 26.19.071 (4) (h) nếu người có thu nhập đó yêu cầu khoản sai lệch vì bất kỳ lý do nào khác. RCW 26.19.075(1)(a)
 - b. **Thu nhập không thường xuyên:** Tòa có thể chấp nhận khoản sai lệch so với cách tính chuẩn nếu phát hiện có một nguồn thu nhập nào đó nằm trong việc tính toán nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản không phải là nguồn thu nhập định kỳ. Tùy thuộc vào từng trường hợp, Thu nhập Không Thường xuyên có thể bao gồm làm thêm giờ, các khoản lợi tức liên quan đến hợp đồng, tiền thưởng hoặc thu nhập từ công việc thứ hai. Khoản sai lệch đối với Thu nhập Không Thường xuyên sẽ dựa trên việc xem xét Thu nhập Không Thường xuyên nhận được trong hai năm dương lịch trước đó. RCW 26.19.075(1)(b).

- c. **Nợ và chi phí cao:** Các nguồn thu nhập và lập kế hoạch thuế: Tòa có thể làm lệch tính toán chuẩn sau khi xem xét những chi phí sau đây:
- Nợ bất thường không tự nguyện phát sinh;
 - Sự chênh lệch đáng kể về chi phí sinh hoạt của cha mẹ do các điều kiện vượt quá tầm kiểm soát của họ;
 - Các nhu cầu đặc biệt của (các) con bị tàn tật; hoặc
 - Các nhu cầu đặc biệt về y tế, giáo dục hoặc tâm lý của (các) con.
 - Các chi phí mà cha mẹ dự kiến sẽ chịu để tuân thủ các nỗ lực đoàn tụ theo lệnh của tòa án theo chương 13.34 RCW hoặc theo một thỏa thuận sắp xếp tự nguyện với một cơ quan giám sát đứa con. RCW 26.19.075(1)(c).

- d. **Kế hoạch cư trú:** Tòa có thể chấp nhận khoản sai lệch so với tính toán chuẩn nếu (các) đứa con dành thời gian đáng kể cho cha mẹ, người có nghĩa vụ thanh toán chuyển giao khoản cấp dưỡng. Trên cơ sở đó, tòa không thể chấp nhận khoản sai lệch nếu khoản sai lệch đó sẽ dẫn đến việc hộ gia đình nhận cấp dưỡng không đủ tiền để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của đứa trẻ hoặc nếu đứa trẻ đang nhận temporary assistance for needy families (trợ cấp tạm thời cho các gia đình khó khăn). Khi xác định số tiền sai lệch, tòa sẽ xem xét bằng chứng liên quan đến các khoản chi phí gia tăng cho một bên phụ huynh khi thực hiện các khoản thanh toán chuyển giao cấp dưỡng từ khoảng thời gian sống chung đáng kể với bên phụ huynh đó và sẽ xem xét các khoản giảm chi phí, nếu có, cho bên nhận cấp dưỡng từ khoảng thời gian đáng kể mà đứa trẻ sống chung với bên phụ huynh thực hiện thanh toán chuyển giao cấp dưỡng. RCW 26.19.075(1)(d).

- e. **Con cái từ các mối liên hệ khác:** Tòa có thể chấp nhận khoản sai lệch so với cách tính chuẩn khi một trong hai hoặc cả hai phụ huynh trước khi ra tòa đều có các con từ các mối quan hệ khác mà cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng.
- Lịch trình cấp dưỡng nuôi con sẽ được áp dụng cho cha mẹ và con cái của gia đình trước khi ra tòa để xác định số tiền cấp dưỡng gia đình.
 - Con cái từ các mối liên hệ khác sẽ không được tính vào số con vì mục đích xác định nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản và tính toán chuẩn.
 - Khi xem xét khoản sai lệch so với cách tính chuẩn đối với các con từ các mối liên hệ khác, tòa án chỉ có thể xem xét những đứa con khác mà cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tòa chỉ có thể xem xét việc thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con theo lệnh của tòa đối với những đứa trẻ từ các mối liên hệ khác trong phạm vi khoản tiền cấp dưỡng thực trả.
 - Khi tòa xác định một trong hai hoặc cả hai bên phụ huynh có các con từ các mối liên hệ khác, thì những khoản sai lệch trong phần này phải dựa trên việc xem xét tổng thể các tình huống của cả hai hộ gia đình. Tất cả các khoản nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đã trả, đã nhận và còn nợ đối với tất cả các đứa con đều phải được tiết lộ và xem xét. RCW 26.19.075(1)(e).

2. Tất cả thu nhập và nguồn thu của các bên trước khi ra tòa thì người phối ngẫu hoặc người sống chung nhà mới, và những người lớn khác trong gia đình đều phải được tiết lộ và được xem là đã cung cấp. Số tiền cấp dưỡng gia đình sẽ được xác định theo phụ lục cấp dưỡng nuôi con Trừ khi nêu ra được các lý do cụ thể cho khoản sai lệch trong các kết quả phát hiện bằng văn bản và có bằng chứng hỗ trợ, tòa sẽ yêu cầu mỗi phụ huynh trả số tiền cấp dưỡng được xác định bằng cách sử dụng cách tính chuẩn. RCW 26.19.075(2).

- Tòa sẽ đưa ra những kết quả phát hiện nêu rõ lý do cho bất kỳ khoản sai lệch nào hoặc bất kỳ sự từ chối nào đối với yêu cầu của một bên về bất kỳ khoản sai lệch nào so với tính toán chuẩn do tòa đưa ra. Tòa sẽ không xem xét lý do của khoản sai lệch cho đến khi tòa xác định cách tính chuẩn cho mỗi phụ huynh. RCW 26.19.075(3).
- Khi có lý do cho khoản sai lệch, tòa sẽ có toàn quyền trong việc xem xét mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng đến nghĩa vụ cấp dưỡng. RCW 26.19.075(4).
- Thỏa thuận của các bên tự nó không phải là lý do thích hợp cho bất kỳ khoản sai lệch nào so với các tính toán chuẩn. RCW 26.19.075(5).

Các khoản quyền lợi được trả áp dụng cho một người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Một công nhân bị thương tật, người tàn tật, người đã qua đời, người đã nghỉ hưu hoặc cựu chiến binh nợ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được nhận một trong các quyền lợi sau:

- Những khoản thanh toán của Department of Labor and Industries
- Thanh toán Tự Bảo Hiểm
- Social Security Administration:
 - Quyền lợi phụ thuộc của người tàn tật của Social Security
 - Quyền lợi về hưu
 - Quyền lợi bảo hiểm cho người còn sống
- Quyền lợi của Veteran's Administration

và cho thấy đứa trẻ hoặc gia đình của đứa trẻ nhận được một khoản thanh toán từ những quyền lợi đó thì khi đó, số tiền trả thay cho hoặc nhân danh đứa trẻ sẽ được áp dụng đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong cùng khoảng thời gian được hưởng quyền lợi đó.

Tiêu Chuẩn Giáo Dục Sau Trung Học

- Phụ lục cấp dưỡng nuôi con sẽ mang tính tư vấn và không bắt buộc đối với việc hỗ trợ giáo dục sau trung học. RCW 26.19.090(1)
- Khi xem xét có nên ra lệnh cấp dưỡng chi phí giáo dục sau trung học hay không, tòa sẽ xác định liệu đứa trẻ có thực sự phụ thuộc và dựa vào cha mẹ đối với những nhu cầu sinh hoạt cần thiết hợp lý hay không. Tòa sẽ có toàn quyền xác định và kéo dài trong thời gian bao lâu để cấp quyền cấp dưỡng giáo dục sau trung học dựa trên việc xem xét các yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn, những điều sau: tuổi của đứa trẻ; nhu cầu của đứa trẻ; kỳ vọng của các bên đối với (các) con khi cha mẹ còn ở cùng nhau; triển vọng, mong muốn, năng khiếu, khả năng hoặc khuyết tật của (các) đứa trẻ; tính chất tìm kiếm của giáo dục sau trung học và trình độ học vấn của phụ huynh, mức sống và các nguồn lực hiện tại và tương lai. Cũng cần xem xét số tiền và loại cấp dưỡng mà đứa trẻ lẽ ra phải chi trả nếu cha mẹ ở cùng nhau. RCW 26.19.090(2).
- Đứa trẻ phải đăng ký vào một trường học hoặc trường dạy nghề được công nhận, phải tích cực theo đuổi một khóa học phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp của trẻ và phải có kết quả học tập tốt theo quy định của nhà trường. Việc cấp dưỡng giáo dục sau trung học theo lệnh của tòa sẽ tự động bị đình chỉ trong khoảng thời gian hoặc giai đoạn đứa trẻ không tuân thủ các điều kiện này. RCW 26.19.090(3).

4. Đứa trẻ cũng phải cung cấp tất cả hồ sơ học tập và điểm số cho cả cha và mẹ như một điều kiện để nhận được khoản cấp dưỡng giáo dục sau trung học. Mỗi phụ huynh sẽ có quyền truy cập đầy đủ và bình đẳng vào hồ sơ giáo dục sau trung học theo quy định (RCW 26.09.225). RCW 26.19.090(4).
5. Tòa án sẽ không ra lệnh thanh toán các chi phí giáo dục sau trung học sau sinh nhật thứ hai mươi ba của đứa trẻ, trừ những trường hợp đặc biệt, chẳng hạn như khuyết tật về tinh thần, thể chất hoặc cảm xúc. RCW 26.19.090(5).
6. Tòa án sẽ chỉ đạo một trong hai hoặc cả hai bên phụ huynh thanh toán chi phí giáo dục sau trung học trực tiếp cho cơ sở giáo dục nếu khả thi. Nếu việc thanh toán trực tiếp là không khả thi, thì tòa án theo quyết định của mình có thể yêu cầu một trong hai hoặc cả hai bên phụ huynh thanh toán trực tiếp cho đứa trẻ nếu đứa trẻ không ở chung với cả cha và mẹ. Nếu đứa trẻ sống với một bên phụ huynh, tòa án có thể chỉ đạo bên phụ huynh thực hiện việc thanh toán chuyển giao khoản cấp dưỡng tiên hành các khoản thanh toán cho đứa trẻ hoặc cho bên phụ huynh đã nhận khoản thanh toán chuyển giao khoản cấp dưỡng. RCW 26.19.090(6).

WASHINGTON STATE CHILD SUPPORT SCHEDULE (PHỤ LỤC CẤP DƯỠNG NUÔI CON CỦA TIỂU BANG WASHINGTON) HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI CÁC BẢNG TÍNH TIỀN

Bảng tính tiền:

Ngay bên dưới tiêu đề mẫu, hãy đánh dấu vào khung hiển thị xem có bảng tính tiền được đề xuất hoặc quan tòa đã ký lệnh chưa. Nếu bảng tính tiền đã được đề xuất, hãy đánh dấu vào khung hiển thị người đã đề xuất và điền tên quý vị.

Điền vào quận hạt của quý vị, số vụ kiện, tên và tuổi của những đứa trẻ đang được xét cấp dưỡng.

Ghi tên của quý vị phía trên “(Cột 1)” và ghi tên của phụ huynh kia phía trên “(Cột 2).” Trong phần còn lại của bảng tính tiền, hãy liệt kê thông tin của quý vị phía dưới “Cột 1” và liệt kê thông tin của phụ huynh kia phía dưới “Cột 2”.

Phần I: Thu nhập

Chiều theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP # 1: Xem xét tất cả thu nhập, “chỉ thu nhập của cha mẹ (các) đứa trẻ đang xét cấp dưỡng mới được tính cho mục đích tính nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản.” (Xem trang 1.)

Chiều theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #2: Xác minh thu nhập, “phải có tờ khai thuế trong hai năm trước đó và bảng lương hiện tại cho mục đích xác minh thu nhập. Cần phải có sự xác minh đầy đủ khác đối với thu nhập và các khoản giảm trừ không xuất hiện trên tờ khai thuế hoặc bảng lương. (Xem trang 1.)

Thu Nhập Gộp Hàng Tháng

Thu nhập gộp hàng tháng được định nghĩa theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP # 3: Các nguồn thu nhập được bao gồm trong thu nhập gộp hàng tháng. (Xem trang 1.)

Các khoản loại trừ thu nhập được định nghĩa theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #4: Các nguồn thu nhập bị loại trừ khỏi thu nhập gộp hàng tháng. (Xem trang 2.) Thu nhập bị loại trừ phải được công bố và liệt kê trong Phần VIII của bảng tính tiền.

Thu Nhập Trung Bình Hàng Tháng:

- Nếu thu nhập thay đổi trong năm, hãy chia tổng thu nhập năm cho 12.
- Nếu được trả hàng tuần, hãy nhân thu nhập tuần cho 52 rồi chia cho 12.
- Nếu được trả cách tuần, hãy nhân thu nhập của hai tuần cho 26 rồi chia cho 12.
- Nếu được trả hai lần một tháng (bán nguyệt), hãy nhân thu nhập hai bán nguyệt cho 24 rồi chia cho 12

DÒNG 1a, Tiền Công và Tiền Lương: Nhập tổng số trung bình hàng tháng của tất cả tiền lương, tiền công, quyền lợi liên quan đến hợp đồng, tiền thưởng và thu nhập từ việc làm thêm giờ và công việc thứ hai không bị loại trừ khỏi thu nhập theo RCW 26.19.071(4)(i).

DÒNG 1b, Thu Nhập Lãi Và Cổ Tức: Nhập tổng số tiền lãi và cổ tức trung bình hàng tháng.

DÒNG 1c, Thu Nhập Kinh Doanh: Nhập thu nhập trung bình hàng tháng từ việc tự kinh doanh, tiền cho thuê nhà, tiền bản quyền, hợp đồng, quyền sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu một công ty hợp danh hoặc công ty nắm giữ chặt chẽ.

DÒNG 1d, Tiền Chu Cấp Được Nhân: Nhập số tiền chu cấp thực tế hàng tháng.

DÒNG 1e, Thu Nhập Khác: Nhập tổng thu nhập khác trung bình hàng tháng. (Thu nhập khác bao gồm, nhưng không giới hạn: hoàn thuế thu nhập, thu nhập ủy thác, trợ cấp thôi việc, niên kim, lãi từ vốn, quyền lợi hưu trí, bồi thường cho người lao động, trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp an sinh xã hội và trợ cấp bảo hiểm khuyết tật.)

DÒNG 1f, Thu Nhập Ước Tính: Nhập thu nhập gộp được quy ra hàng tháng đối với một bên phụ huynh tự nguyện không đi làm, làm việc ít đi hoặc nếu quý vị không có hồ sơ về thu nhập thực tế của một bên phụ huynh.. Tham khảo “TIÊU CHUẨN THU NHẬP # 6: Quy ra thu nhập.” (Xem trang 2.) Quy ra thu nhập bằng cách sử dụng phương pháp đầu tiên có thể dựa trên thông tin quý vị có theo thứ tự sau:

Tính thu nhập toàn thời gian bằng cách sử dụng một trong các phương pháp:

1. Mức lương hiện tại;
2. Lịch sử mức lương dựa trên thông tin đáng tin cậy;
3. Mức lương trong quá khứ, nếu thông tin hiện tại không đầy đủ hoặc rời rạc;
4. Thu nhập 32 giờ mỗi tuần ở mức tiền công tối thiểu nơi bên phụ huynh đang sinh sống nếu bên phụ huynh hiện đang tham gia TANF hoặc gần đây đã ngừng nhận trợ cấp của chính phủ, mới ra tù hoặc mới tốt nghiệp trung học phổ thông (nếu hiện đang theo học trung học và tự nguyện không đi làm hoặc làm việc ít đi, thì quy ra thu nhập ở mức 20 giờ mỗi tuần theo mức tiền công tối thiểu nơi bên phụ huynh đang sinh sống); hoặc
5. Mức tiền công tối thiểu nơi bên phụ huynh đang sinh sống khi bên phụ huynh đó có lịch sử tiền công tối thiểu, chưa từng đi làm hoặc không có lịch sử thu nhập đáng kể.

Thông tin về mức lương trước đây có thể có sẵn từ Division of Child Support. Sử dụng mẫu 18-701: “Request for Income Information for Purposes of Entering a Child Support Order (Yêu Cầu Thông Tin Thu Nhập Cho Mục Đích Nhập Một Án Lệnh Cấp Dưỡng Nuôi Con)”, có sẵn trên mạng tại: <http://www.dshs.wa.gov/dcs/Resources/Forms.asp> employed, hoặc không có lịch sử các khoản thu nhập đáng kể.

Nếu quý vị tính thu nhập bằng một trong năm phương pháp trên, hãy nhập số tiền vào dòng 1f. Ngoài ra, trong dòng 26 của Bảng tính tiền, hãy giải thích quý vị đã sử dụng phương pháp nào để ước tính thu nhập và cách quý vị tính số thu nhập ước tính.

Nếu quý vị không thể sử dụng bất kỳ phương pháp nào kể trên, hãy quy ra thu nhập ròng hàng tháng của một bên phụ huynh bằng cách sử dụng bảng bên dưới và nhập số tiền thích hợp cho độ tuổi và giới tính của bên phụ huynh đó **trên dòng 1f và trên dòng 3**. Bảng dưới đây thể hiện thu nhập ròng, sau các khoản khấu trừ. Vậy nếu quý vị quy đổi bằng cách sử dụng bảng này thì quý vị sẽ không nhập được bất kỳ khoản khấu trừ nào trên bảng tính tiền dưới dòng 2. Hãy để trống các dòng từ 2a đến 2i. Đối với phụ huynh này, hãy chuyển đến dòng 4.

Ngoài ra, trong dòng 26 của Bảng tính tiền, hãy giải thích thu nhập ròng được ước tính bằng cách sử dụng Bảng Thu Nhập Ròng Trung Bình Hàng Tháng Gắn Đúng.

Thu Nhập Ròng Trung Bình Hàng Tháng Gắn Đúng

NAM	tuổi	NỮ
\$2.088	15-24	\$1.934
\$3.243	25-34	\$2.816
\$4.098	35-44	\$3.321
\$4.232	45-54	\$3.365
\$4.318	55-64	\$3.288
\$4.972	65 +	\$3.858

U.S. Census Bureau, Current Population Survey, 2018 Annual Social and Economic Supplement, Bảng PINC-01. Các Đặc Điểm Được Chọn Của Những Người Từ 15 Tuổi Trở Lên Tính Theo Tổng Thu Nhập Tiền Năm 2017, Kinh Nghiệm Làm Việc Năm 2017, Chủng tộc, Người gốc Tây Ban Nha và Giới tính, Làm việc Toàn thời gian, Quanh năm.

[Thu nhập ròng đã được xác định bằng cách trừ đi FICA (7,65 phần trăm) và nghĩa vụ thuế đối với một người (một khoản trợ cấp khấu trừ).]

DÒNG 1g, Thu Nhập Gộp Hàng Tháng: Cộng những số tiền thu nhập hàng tháng của mỗi phụ huynh (các dòng 1a đến 1f) và nhập số tổng vào dòng 1g.

Các Khoản Giảm Trừ Hàng Tháng từ Thu Nhập Gộp

Các khoản khấu trừ hàng tháng được phép từ thu nhập gộp được định nghĩa theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP#5: Xác định thu nhập ròng. (Xem trang 2.)

Mức Khấu Trừ Trung Bình Hàng Tháng: Nếu khoản khấu trừ là hàng năm hoặc thay đổi trong năm, hãy chia tổng số tiền khấu trừ hàng năm cho 12 để xác định số tiền hàng tháng.

DÒNG 2a, Thuế Thu Nhập: Nhập số tiền ròng hàng tháng thực nợ đối với các khoản thuế thu nhập của tiểu bang và liên bang. (Số thuế thu nhập bị khấu trừ trên chi phiếu lương có thể không phải là số thuế thu nhập thực nợ do có các khoản hoàn thuế, các khoản khấu trừ, v.v. Sẽ là phù hợp khi xem xét các tờ khai thuế từ những năm trước để thể hiện số thuế thu nhập thực nợ nếu thu nhập không thay đổi.)

DÒNG 2b, FICA/Các Khoản Thuế Tư Doanh: Nhập tổng số tiền hàng tháng còn nợ FICA, Social Security, bảo hiểm y tế Medicare và thuế tư doanh.

DÒNG 2c, Các Khoản Khấu Trừ Bảo Hiểm Công Nghiệp Của Tiểu Bang: Nhập số tiền khấu trừ bảo hiểm công nghiệp của tiểu bang hàng tháng như Thuế Quỹ Trợ cấp Y tế, Thuế Quỹ Tai nạn và Thuế Quỹ Hưu trí Bỏ sung. Chủ lao động tự bảo hiểm có thể sử dụng các điều khoản khác nhau cho các khoản khấu trừ.

DÒNG 2d, Phí Nghiệp Đoàn/Nghề Nghiệp Bắt Buộc: Nhập chi phí hàng tháng của nghiệp đoàn hoặc hội phí nghề nghiệp bắt buộc.

DÒNG 2e, Các Khoản Thanh Toán Theo Chương Trình Hưu Trí Bắt Buộc: Nhập chi phí hàng tháng của số tiền thanh toán cho chương trình hưu trí bắt buộc.

DÒNG 2f, Các Khoản Đóng Góp Hưu Trí Tự Nguyện: Nhập chi phí hàng tháng của các Khoản Đóng Góp Hưu Trí tự nguyện. Chia số tiền đóng góp hưu trí tự nguyện, tối đa \$5.000 mỗi năm cho 12 để tính chi phí hàng tháng. (Để biết thêm thông tin về các giới hạn được phép khấu trừ các khoản đóng góp hưu trí tự nguyện, hãy tham khảo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #5: Xác định thu nhập ròng. (Xem trang 2.)

DÒNG 2g, Tiền Chu Cấp Đã Trả: Nhập số tiền chu cấp thực trả hàng tháng theo một án lệnh của tòa.

DÒNG 2h, Chi Phí Kinh Doanh Thông Thường: Nếu tự kinh doanh, hãy nhập số tiền chi phí kinh doanh thông thường. (Chiếu theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP #5: Xác định thu nhập ròng, “cần phải chứng minh bất kỳ khoản giảm trừ chi phí kinh doanh nào có bất đồng.” (Xem trang 2.)

DÒNG 2i, Tổng Các Khoản Khấu Trừ Từ Thu Nhập Gộp: Cộng các khoản khấu trừ hàng tháng cho mỗi phụ huynh (từ dòng 2a đến 2h) và nhập số tổng vào dòng 2i.

DÒNG 3, Thu Nhập Ròng Hàng Tháng: Đối với mỗi phụ huynh, trừ tổng các khoản khấu trừ (dòng 2i) khỏi thu nhập gộp hàng tháng (dòng 1g) và nhập các số tiền này vào dòng 3.

DÒNG 4, Thu Nhập Ròng Hàng Tháng Kết Hợp: Cộng thu nhập ròng hàng tháng của cha mẹ (dòng 3) và nhập số tổng vào dòng 4.

DÒNG 5, Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Nuôi Con Cơ Bản: Trong vùng làm việc được cung cấp trên dòng 5, nhập số tiền nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản được xác định cho mỗi đứa con. Cộng các số tiền này lại với nhau và nhập số tổng vào ô ở dòng 5. (Để xác định nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản cho mỗi đứa con, hãy xem hướng dẫn bảng biểu kinh tế phía sau.)

Hướng Dẫn Bảng Biểu Kinh Tế

Sử dụng Bảng Biểu Kinh Tế để xác định số tiền cấp dưỡng cá nhân cho mỗi đứa con:

- Tìm trong cột bên trái số tiền thu nhập ròng hàng tháng kết hợp gần nhất với số tiền được nhập trên dòng 4 của Bảng tính tiền (làm tròn số khi thu nhập ròng hàng tháng tổng hợp nằm giữa hai số tiền trong cột bên trái);

- **Xác định quy mô gia đình ở dòng trên cùng đối với số con đang được xác định tiền cấp dưỡng nuôi con** (khi xác định quy mô gia đình cho các bảng tính tiền bắt buộc, dùng bao gồm (các) con từ các mối liên hệ khác) và **khoanh tròn con số trong cột bên dưới quy mô gia đình không khớp với thu nhập ròng**. Số tiền được khoanh tròn là số tiền cấp dưỡng cơ bản cho mỗi đứa con.

DÒNG 6, Chia Sẻ Thu Nhập Theo Tỷ Lệ: Chia thu nhập ròng hàng tháng của mỗi phụ huynh (dòng 3) cho thu nhập ròng hàng tháng tổng hợp (dòng 4) và nhập các số tiền này vào dòng 6. (Các mục trên dòng 6 khi được cộng lại với nhau phải bằng 1,00.)

Phần II: Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Nuôi Con Cơ Bản

DÒNG 7, Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Nuôi Con Cơ Bản của mỗi bên phụ huynh không tính đến giới hạn thu nhập thấp: Nhân tổng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cơ bản (số tiền trong ô ở dòng 5) với tỷ lệ chia sẻ thu nhập của mỗi bên phụ huynh (dòng 6) và nhập các số tiền này vào dòng 7. (Những số tiền nhập ở dòng 7 khi cộng lại với nhau phải bằng số tiền đã nhập ở dòng 5.)

DÒNG 8, Tính các giới hạn thu nhập thấp: Chỉ điền vào những giới hạn phù hợp:

Để tính toán các tiêu chuẩn về giới hạn thu nhập thấp trong dòng 8b và 8c, quý vị sẽ cần biết số tiền dự trữ tự nuôi bản thân, bằng 125% của hướng dẫn về chuẩn nghèo hiện hành của liên bang cho một gia đình một người. Kể từ ngày 15 tháng 1 năm 2020, dự trữ tự nuôi bản thân là \$ 1,329. Hướng dẫn và khoản dự trữ tự nuôi bản thân thay đổi gần như hàng năm. Để kiểm tra số tiền khoản dự trữ tự nuôi bản thân hiện hành, hãy truy cập trang web của tòa tại: www.courts.wa.gov, hoặc truy cập www.WashingtonLawHelp.org. Nhập số tiền dự trữ tự nuôi bản thân vào khoảng trống ở dòng 8. (Để biết thêm thông tin, hãy xem Tiêu Chuẩn Giới Hạn # 2 trên trang 3 của Định Nghĩa và Tiêu Chuẩn.)

- 8a. Thu nhập ròng tổng hợp có ít hơn \$1,000 không?**
Nếu thu nhập ròng kết hợp hàng tháng ở dòng 4 ít hơn \$1.000, hãy nhập nghĩa vụ cấp dưỡng giả định của mỗi bên phụ huynh là \$50 cho mỗi đứa con. **Không nhập số tiền trên dòng 8a nếu thu nhập tổng hợp trên dòng 4 nhiều hơn \$1,000.**
- 8b. Thu nhập ròng hàng tháng có ít hơn khoản dự trữ tự nuôi bản thân không?** Đối với mỗi bên phụ huynh có thu nhập ròng hàng tháng ở dòng 3 ít hơn dự trữ tự nuôi bản thân, hãy nhập nghĩa vụ cấp dưỡng giả định của bên phụ huynh đó là \$50 cho mỗi đứa con. **Không sử dụng ô này cho một bên phụ huynh có thu nhập ròng trên dòng 3 lớn hơn mức dự trữ tự nuôi bản thân.**

- 8c. Thu nhập ròng hàng tháng có bằng hoặc hơn khoản dự trữ tự nuôi bản thân không?** Trừ khoản dự trữ tự nuôi bản thân cho dòng 3 và nhập số tiền này hoặc nhập \$50 cho mỗi đứa con tùy theo số nào lớn hơn. **Không sử dụng ô này nếu số tiền lớn hơn số tiền ở dòng 7.**

DÒNG 9, Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cơ bản của mỗi bên phụ huynh sau khi tính toán các giới hạn hiện hành: Đối với mỗi bên phụ huynh, hãy nhập số tiền thấp nhất từ dòng 7, 8a - 8c, nhưng không thấp hơn \$50 giả định cho mỗi đứa con.

Phần III: Chăm sóc Sức khỏe, Chăm sóc Ban ngày và Chi phí Nuôi Con Đặc biệt

Chiếu theo TIÊU CHUẨN PHÂN BỐ: “tòa có thể toàn quyền quyết định sự cần thiết và tính hợp lý của tất cả các khoản tiền được yêu cầu vượt quá nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cơ bản.” (Xem trang 2.)

Chiếu theo TIÊU CHUẨN PHÂN BỐ #2: **Chi phí chăm sóc sức khỏe** và #3: **Chi phí chăm sóc ban ngày và nuôi dưỡng trẻ đặc biệt**, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc ban ngày và chi phí nuôi dạy trẻ đặc biệt sẽ được cha mẹ chia sẻ theo tỷ lệ như nghĩa vụ cấp dưỡng cơ bản. (Xem trang 2.) **LƯU Ý:** Án lệnh của tòa phải phản ánh các chi phí chăm sóc sức khỏe, chăm sóc ban ngày và nuôi dạy trẻ đặc biệt không được liệt kê phải được phân bổ theo tỷ lệ phần trăm tương tự như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cơ bản.

Chi Phí Trung Bình Hàng Tháng: Nếu chi phí chăm sóc sức khỏe, chăm sóc ban ngày hoặc nuôi dạy trẻ đặc biệt là chi phí hàng năm hoặc thay đổi trong năm, hãy chia tổng chi phí năm cho 12 để xác định số tiền hàng tháng.

Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe

DÒNG 10a, Phí Bảo Hiểm Y Tế Hàng Tháng Phải Trả Cho (Các) Con: Liệt kê số tiền hàng tháng mà mỗi bên phụ huynh đã trả cho bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho (các) con trong mỗi liên hệ. (Khi xác định số tiền phí bảo hiểm, không bao gồm phần phí bảo hiểm do chủ sử dụng lao động hoặc bên thứ ba khác trả và/hoặc phần phí bảo hiểm dành cho cha mẹ hoặc các thành viên khác trong gia đình.)

DÒNG 10b, Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng Không Được Bảo Hiểm Đã Trả Cho (Các) Con: Liệt kê số tiền hàng tháng mà mỗi bên phụ huynh đã trả cho các chi phí chăm sóc sức khỏe của (các) con nhưng không được bảo hiểm bồi hoàn. .

DÒNG 10c, Tổng Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng: Đối với mỗi bên phụ huynh, hãy cộng các khoản thanh toán phí bảo hiểm y tế (dòng 10a) vào các khoản thanh toán chăm sóc sức khỏe không có bảo hiểm (dòng 10b) và nhập các số tiền này vào dòng 10c

DÒNG 10d, Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng Kết Hợp: Cộng tổng số các khoản thanh toán chăm sóc sức khỏe của cha mẹ (dòng 10c) và nhập số tiền này vào dòng 10d.

Chi Phí Chăm Sóc Ban Ngày Và Chi Phí Đặc Biệt

DÒNG 11a, Chi Phí Chăm Sóc Ban Ngày: Nhập chi phí chăm sóc ban ngày trung bình hàng tháng..

DÒNG 11b, Chi Phí Giáo Dục: Nhập học phí trung bình hàng tháng và các chi phí giáo dục liên quan khác.

DÒNG 11c, Chi Phí Vận Chuyển Đường Dài: Nhập chi phí trung bình hàng tháng cho việc di chuyển đường dài phát sinh theo nơi ở hoặc lịch trình thăm viếng.

DÒNG 11d, Chi Phí Đặc Biệt Khác: Xác định bất kỳ chi phí đặc biệt nào khác và nhập chi phí trung bình hàng tháng của từng chi phí.

DÒNG 11e, Tổng Chi Phí Chăm Sóc Ban Ngày Và Chi Phí Đặc Biệt: Cộng các chi phí hàng tháng đối với mỗi bên phụ huynh (dòng 11a đến 11d) và nhập các số tổng này vào dòng 11e.

DÒNG 12, Chi Phí Chăm Sóc Ban Ngày Và Chi Phí Đặc Biệt Hàng Tháng Kết Hợp: Cộng tổng chi phí của cha mẹ (dòng 11e) và nhập số tổng này vào dòng 12.

DÒNG 13, Tổng Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe, Chăm Sóc Ban Ngày Và Chi Phí Đặc Biệt: Cộng các chi phí chăm sóc sức khỏe (dòng 10d) vào chi phí chăm sóc ban ngày và chi phí đặc biệt hàng tháng kết hợp (dòng 12) và nhập số tiền này vào dòng 13.

DÒNG 14, Nghĩa Vụ Của Mỗi Phụ Huynh Đối Với Việc Chăm Sóc Sức Khỏe, Chăm Sóc Ban Ngày Và Chi Phí Đặc Biệt: Nhân tổng số tiền chăm sóc sức khỏe, chăm sóc ban ngày và chi phí đặc biệt (dòng 13) với phần tỷ lệ thu nhập của mỗi bên phụ huynh (dòng 6) và nhập các số tiền này vào dòng 14.

DÒNG 15, Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Nuôi Con Gộp: Đối với mỗi phụ huynh, cộng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cơ bản (dòng 9) vào nghĩa vụ chăm sóc sức khỏe bất thường, chăm sóc ban ngày và các chi phí đặc biệt (dòng 14). Nhập các số tiền này vào dòng 15.

Phần V: Tín Dụng Cấp Dưỡng Nuôi Con

Các khoản tín dụng cấp dưỡng nuôi con được cung cấp trong trường hợp cha mẹ thanh toán trực tiếp cho bên thứ ba chi phí hàng hóa và dịch vụ được bao gồm trong nghĩa vụ cấp dưỡng theo tính toán chuẩn (ví dụ: thanh toán cho công ty bảo hiểm hoặc nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc ban ngày).

DÒNG 16a, Tín Dụng Chi Phí Chăm Sóc Sức Khỏe Hàng Tháng: Nhập tổng số tiền chi phí chăm sóc sức khỏe hàng tháng từ dòng 10c cho mỗi bên phụ huynh.

DÒNG 16b, Tín Dụng Chăm Sóc Ban Ngày Và Chi Phí Đặc Biệt: Nhập tổng số tiền chăm sóc ban ngày và chi phí đặc biệt từ dòng 11e cho mỗi bên phụ huynh.

DÒNG 16c, Tín Dụng Chi Phí Thông Thường Khác: Nếu có yêu cầu phê duyệt một khoản tín dụng cho chi phí thông thường khác thì trong khoảng trống được cung cấp, hãy nêu rõ chi phí và nhập giá trị trung bình của chi phí hàng tháng trong cột của bên phụ huynh đó để được nhận tín dụng. (Người ta thường cho rằng các chi phí thông thường được thanh toán phù hợp với nơi cư trú của (các) đứa con. Nếu việc thanh toán một khoản chi phí thông thường cụ thể không tuân theo giá định này, thì bên phụ huynh thanh toán khoản chi phí này có thể yêu cầu phê duyệt một khoản tín dụng chi phí thông thường. Tòa có toàn quyền quyết định tín dụng này.)

LINE 16d, Tổng Tín Dụng Cấp Dưỡng: Đối với mỗi bên phụ huynh, hãy cộng các mục từ dòng 16 a đến c và nhập các số tổng vào dòng 16d.

Phần VI: Tính Toán Chuẩn/Giá Định Chuyển Giao Thanh Toán

DÒNG 17, Đối với mỗi bên Phụ huynh: trừ tổng số tín dụng cấp dưỡng (dòng 16d) cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con gộp (dòng 15) và nhập số tiền kết quả vào dòng 17. Nếu số tiền dưới \$50 cho mỗi đứa con đối với một trong hai bên phụ huynh, thì hãy nhập nghĩa vụ cấp dưỡng tối thiểu giá định là \$50 cho mỗi đứa con, thay vì số tiền nhỏ hơn.

Phần VII: Tính Thông Tin Bổ Sung

DÒNG 18, 45% Thu Nhập Ròng Của Mỗi Bên Phụ Huynh Từ Dòng 3: Đối với mỗi bên phụ huynh, nhân dòng 3 với 0,45. Tham khảo Tiêu chuẩn về GIỚI HẠN # 1: Giới hạn ở mức 45% thu nhập ròng của một bên phụ huynh.

DÒNG 19, 25% Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Cơ Bản Của Mỗi Bên Phụ Huynh từ Dòng 9: Đối với mỗi bên phụ huynh, nhân dòng 9 với 0,25.

Phần VIII: Các Yếu Tố Bổ Sung Cần Xem Xét

Chiếu theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP: Xem xét tất cả thu nhập: “tất cả thu nhập và nguồn thu của mỗi hộ gia đình của cha mẹ phải được công bố và được tòa án xem xét khi tòa án xác định nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của mỗi phụ huynh.” (Xem trang 1.)

DÒNG 20 a-h, Tài Sản Hộ Gia Đình: Nhập giá trị hiện tại ước tính các tài sản của hộ gia đình.

DÒNG 21, Nợ Hộ Gia Đình: Mô tả và nhập số tiền những khoản thế chấp đối với tài sản thuộc sở hữu của hộ gia đình và/hoặc bất kỳ khoản nợ bất thường nào.

Thu Nhập Khác Của Hộ Gia Đình

DÒNG 22a, Thu Nhập của Người Phôi Ngẫu hoặc Người Sống Chung Nhà: Nếu một bên phụ huynh hiện đang kết hôn hoặc đang có mối liên hệ sống chung với người khác không phải là cha mẹ của (các) đứa con đang được xác định cấp dưỡng, hãy liệt kê tên và nhập thu nhập của người phôi ngẫu hoặc người sống chung nhà.

DÒNG 22b, Thu Nhập của Những Người Trưởng Thành Khác Trong Hộ Gia Đình: Liệt kê tên và nhập thu nhập của những người lớn khác đang sống trong hộ gia đình.

DÒNG 22c, Thu Nhập gộp từ làm thêm giờ hoặc từ công việc thứ hai mà bên đang yêu cầu tòa loại trừ theo TIÊU CHUẨN THU NHẬP # 4, Các nguồn thu nhập bị loại trừ khỏi thu nhập gộp hàng tháng (xem trang).

DÒNG 22d, Thu Nhập của Con: Nếu số tiền được xem là đột xuất, hãy liệt kê tên và nhập thu nhập của các con đang sống trong nhà.

DÒNG 22e, Thu Nhập từ Tiền Cấp Dưỡng Nuôi Con: Liệt kê tên của (các) đứa con được nhận cấp dưỡng và nhập số tiền từ thu nhập cấp dưỡng. Không bao gồm (các) đứa con đang được xác định cấp dưỡng.

DÒNG 22f, Thu Nhập từ Các Chương Trình Trợ Giúp: Liệt kê chương trình và nhập số tiền của bất kỳ thu nhập nào nhận được từ các chương trình trợ giúp. Các chương trình trợ giúp bao gồm, nhưng không giới hạn: temporary assistance for needy families (trợ cấp tạm thời cho các gia đình khó khăn), SSI, trợ cấp chung, tem phiếu thực phẩm và hỗ trợ và trợ cấp tham dự.)

DÒNG 22g, Thu Nhập Khác: Mô tả và nhập số tiền của bất kỳ thu nhập nào khác của hộ gia đình. (Bao gồm thu nhập từ quà tặng và giải thưởng trên dòng này.)

DÒNG 23, Thu Nhập Không Thường Xuyên: Mô tả và nhập số tiền của bất kỳ thu nhập nào được bao gồm trong cách tính thu nhập gộp (DÒNG 1g) thuộc loại không thường xuyên. (Chiếu theo TIÊU CHUẨN VỀ SAI LỆCH #1b: Thu nhập không thường xuyên, “tùy thuộc vào từng trường hợp, thu nhập không thường xuyên có thể bao gồm làm thêm giờ, lợi tức liên quan đến hợp đồng, tiền thưởng hoặc thu nhập từ công việc thứ hai.” Xem trang 3.)

DÒNG 24, Lệnh Cấp Dưỡng Nuôi Con Hàng Tháng cho Những Đứa Con Khác. Liệt kê tên và tuổi và nhập số tiền cấp dưỡng nuôi con còn nợ đối với những đứa con khác, (không phải những đứa con đang được xác định cấp dưỡng). Đã trả tiền cấp dưỡng chưa? Đánh dấu Có hoặc Không.

DÒNG 25, (Những) Đứa Con Khác Sống trong Mỗi Hộ Gia Đình: Liệt kê tên và tuổi của những đứa con đang sống trong mỗi hộ gia đình, khác với những đứa con đang được xác định cấp dưỡng.

DÒNG 26, Các Yếu tố Khác Cần Xem Xét: Trong khoảng trống được cung cấp hãy liệt kê bất kỳ yếu tố nào khác cần được xem xét khi xác định nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. (Để biết thông tin về các yếu tố khác cần xem xét, hãy tham khảo CÁC TIÊU CHUẨN VỀ SAI LỆCH. Xem trang 3.) Khoảng trống này cũng được dùng để giải thích cách quý vị tính thu nhập và các khoản khấu trừ ở dòng 1 và 2.

Các Trường Hợp Giám Hộ Không Phải Phụ Huynh: Khi các con không ở với cha hoặc mẹ thì thu nhập và nguồn của hộ gia đình của (những) người giám hộ của các con phải được liệt kê ở dòng 26.

Washington State Child Support Schedule (Phụ Lục Cấp Dưỡng Nuôi Con Của Tiểu Bang Washington)

Bảng biểu Kinh tế

Nghĩa Vụ Cấp Dưỡng Cơ Bản Hàng Tháng Cho Mỗi Con

Lập lại tựa đề của cột

Tổng Hàng Tháng Ròng Thu nhập	Một Con Gia đình	Hai Con Gia đình	Ba Con Gia đình	Bốn Con Gia đình	Năm Con Gia đình
Đối với thu nhập dưới \$1.000 thì nghĩa vụ được tính dựa trên nguồn và chi phí sinh hoạt của mỗi hộ gia đình.					
Mức cấp dưỡng tối thiểu cho mỗi con không được dưới \$50 mỗi tháng trừ khi được RCW 26.19.065 (2) cho phép.					
1000	216	167	136	114	100
1100	238	184	150	125	110
1200	260	200	163	137	120
1300	281	217	177	148	130
1400	303	234	191	160	141
1500	325	251	204	171	151
1600	346	267	218	182	161
1700	368	284	231	194	171
1800	390	301	245	205	180
1900	412	317	258	216	190
2000	433	334	271	227	200
2100	455	350	285	239	210
2200	477	367	298	250	220
2300	499	384	311	261	230
2400	521	400	325	272	239
2500	543	417	338	283	249
2600	565	433	351	294	259
2700	587	450	365	305	269
2800	609	467	378	317	279
2900	630	483	391	328	288
3000	652	500	405	339	298
3100	674	516	418	350	308
3200	696	533	431	361	318
3300	718	550	444	372	328
3400	740	566	458	384	337
3500	762	583	471	395	347
3600	784	599	484	406	357
3700	803	614	496	416	366
3800	816	624	503	422	371
3900	830	634	511	428	377
4000	843	643	518	434	382
4100	857	653	526	440	388
4200	867	660	531	445	392
4300	877	668	537	450	396
4400	887	675	543	455	400
4500	896	682	548	459	404
4600	906	689	554	464	408
4700	916	697	559	469	412
4800	927	705	566	474	417
4900	939	714	573	480	422
5000	951	723	580	486	428

5100	963	732	587	492	433
5200	975	741	594	498	438
5300	987	750	602	504	443
5400	999	759	609	510	449
5500	1011	768	616	516	454
5600	1023	777	623	522	459
5700	1030	782	627	525	462
5800	1036	786	630	528	465
5900	1042	791	634	531	467
6000	1048	795	637	534	470
6100	1054	800	641	537	472
6200	1061	804	644	540	475
6300	1067	809	648	543	477
6400	1073	813	651	545	480
6500	1081	819	656	549	483
6600	1096	830	665	557	490
6700	1111	842	674	564	497
6800	1126	853	683	572	503
6900	1141	864	692	579	510
7000	1156	875	701	587	516
7100	1170	886	710	594	523
7200	1185	898	719	602	530
7300	1200	909	727	609	536
7400	1212	918	734	615	541
7500	1222	925	740	620	545
7600	1231	932	745	624	549
7700	1241	939	751	629	554
7800	1251	946	756	634	558
7900	1261	953	762	638	562
8000	1270	960	767	643	566
8100	1280	968	773	647	570
8200	1290	975	778	652	574
8300	1299	981	783	656	577
8400	1308	987	788	660	581
8500	1316	994	793	664	584
8600	1325	1000	797	668	588
8700	1334	1007	802	672	591
8800	1343	1013	807	676	595
8900	1352	1019	812	680	599
9000	1361	1026	817	684	602
9100	1370	1032	822	689	606
9200	1379	1040	828	694	611
9300	1387	1047	835	699	616
9400	1396	1055	841	705	620
9500	1405	1062	848	710	625
9600	1414	1069	854	716	630
9700	1423	1077	861	721	635
9800	1432	1084	867	727	639
9900	1441	1092	874	732	644
10000	1451	1099	879	737	648
10100	1462	1107	885	741	652

10200	1473	1114	890	745	656
10300	1484	1122	895	750	660
10400	1495	1129	900	754	664
10500	1507	1136	906	759	668
10600	1518	1144	911	763	672
10700	1529	1151	916	767	675
10800	1539	1159	921	772	679
10900	1542	1161	924	774	681
11000	1545	1164	926	776	683
11100	1548	1166	928	778	684
11200	1551	1169	931	780	686
11300	1554	1172	933	782	688
11400	1556	1174	936	784	690
11500	1559	1177	938	786	692
11600	1562	1179	940	788	693
11700	1565	1182	943	790	695
11800	1568	1184	945	792	697
11900	1571	1187	948	794	699
12000	1573	1190	950	796	700

Bảng biểu kinh tế được giả định cho thu nhập ròng kết hợp hàng tháng lên đến và bao gồm mười hai ngàn đô la. Khi thu nhập ròng kết hợp hàng tháng vượt quá mười hai ngàn đô la thì tòa án có thể nâng cao hơn số tiền cấp dưỡng giả định tối đa dựa trên kết quả thực tế bằng văn bản.